TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10/6/2022
V/v "Ly hôn, t/c về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Phước

2. Ông Phan Minh Quốc

- Thư ký phiên tòa: bà Phan Thanh Thúy – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: bà Phan Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/02/2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 2000.

Địa chỉ: ấp P, thị trấn T, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: anh Trần Văn N, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn chị N có đơn xin vắng mặt. Bị đơn anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy N trình bày:

Chị với anh Trần Văn N tự quen biết nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên đã tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Qua thời gian chung sống chị với anh N có 01 con chung. Tuy nhiên trong thời gian chung sống với anh N chị thấy vợ chồng tính

tình không phù hợp, thường xuyên cãi nhau. Anh N nhiều lần bôi nhọ, xúc phạm chị. Nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục sống chung được nên chị N yêu cầu giải quyết như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thúy N xin được ly hôn với anh Trần Văn N.

+ Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Trần Đăng K sinh ngày 13/11/2017. Sau ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn anh Trần Văn N: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh N nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay anh N vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị N.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý và giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Quá trình thụ lý Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ khi tiến hành lập hồ sơ vụ án, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tống đạt và niêm yết hợp lệ các thông báo và quyết định, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên đã tự từ bỏ quyền của mình.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thúy N được ly hôn với anh Trần Văn N.

Về con chung: giao cháu Trần Đăng Kcho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

Chị N yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con. Bị đơn anh Trần Văn N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã T, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[1.2] Bị đơn anh Trần Văn N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Trần Văn N chung sống với nhau từ năm 2017 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26/2019 ngày 19/4/2019. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thúy N, thấy: Theo trình bày của chị N, trong quá trình sống chung với anh N giữa hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau dẫn đến cuộc sống không còn hạnh phúc nên vợ chồng đã quyết định sống ly thân. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 20/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn cũng thể hiện rõ hiện nay chị N và anh N không còn sống chung tại địa phương. Trong quá trình giải quyết Tòa án có tiến hành thông báo hòa giải nhằm mục đích động viên, hàn gắn nhưng anh N vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện N vọng muốn được hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị N để xây dựng hạnh phúc gia đình và chăm sóc con. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh N không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[2.3] Về quan hệ con chung: Qua chứng cứ chị N cung cấp thì chị N và anh N có 01 con chung tên Trần Đăng Ksinh ngày 13/11/2017 hiện nay đang sống với chị N, sau ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay chị N là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung, trong quá trình giải quyết phía anh N cũng không có văn bản nào thể hiện muốn được chăm sóc nuôi dưỡng con. Xét thấy, để đảm bảo ổn định cuộc

sống cho cháu, căn cứ vào điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Đăng K cho chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[3] Từ những phân tích trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn là phù hợp.

[4] Về án phí: chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 điều 28, điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và khoản 1 điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy N.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thúy N được ly hôn với anh Trần Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2019 ngày 19/4/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung:

Giao con chung Trần Đăng Ksinh ngày 13/11/2017 cho chị Nguyễn Thị Thúy N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Trần Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N phải tạo điều kiện cho anh N được quyền đến thăm nom con, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có. Tuy nhiên sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Trần Văn N phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008885 ngày 07/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

Chị Nguyễn Thị Thúy N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Lâm